TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2026/QĐST - DS	*Hưng Yên, ngày 21 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 13 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 101/2026/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng N** (sau đây viết tắt là A);

Địa chỉ: Số B L, phường G, TP Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Hồng V1 - Giám đốc A Chi nhánh P;

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Lương Thế T - Phó Giám đốc A Chi nhánh P (*Theo Văn bản ủy quyền số 666/QĐ-NHNoPC-KH ngày 27/10/2025)*.

- Bị đơn: **Bà Tống Thị T1**, sinh năm 1961;

HKTT: Thôn Q, xã Q, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau

2. 1. Về tổng số nợ gốc, nợ lãi:

- Ông Lương Thế T và bà Tống Thị T1 đều thống nhất thỏa thuận: Tính đến ngày 13/8/2026, bà Tống Thị T1 còn nợ Ngân hàng N (sau đây viết tắt là A) tổng số tiền là 667.207.806 đồng (trong đó nợ gốc 369.510.000 đồng và số tiền lãi là 297.697.806 đồng), theo Hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-201200304 ngày 14/02/2012 và Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay ngày 21/01/2022 giữa A - Chi nhánh huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là A - Chi nhánh P) và bà Tống Thị Trịnh .

- Bà Tống Thị T1 còn phải trả khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc kể từ ngày 14/8/2026 cho đến khi thanh toán xong nghĩa vụ trả nợ. Lãi suất được tính theo

Hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-201200304 ngày 14/02/2012 và Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay ngày 21/01/2022 giữa A - Chi nhánh huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là A - Chi nhánh P) và bà Tống Thị Trịnh .

2. Về nghĩa vụ và thời hạn trả nợ gốc, nợ lãi:

Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận: Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 21/8/2026, hạn cuối cùng là ngày 21/11/2026, bà Tống Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn (A) tổng số tiền **667.207.806 đồng** (*trong đó nợ gốc 369.510.000 đồng và số tiền lãi là 297.697.806 đồng*) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 14/8/2026 cho đến khi thanh toán xong trên số nợ gốc bà T1 phải thanh toán cho A theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2411-LAV-201200304 ngày 14/02/2012 và Thông báo điều chỉnh lãi suất cho vay ngày 21/01/2022 giữa A - Chi nhánh huyện P, tỉnh Hưng Yên (nay là A - Chi nhánh P) và bà Tống Thị Trịnh .

3. Về án phí:

Bị đơn bà Tống Thị T1 là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên miễn cho bà Tống Thị T1 số tiền án phí sơ thẩm dân sự (làm tròn số) 15.344.000 đồng (*Mười lăm triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng)* theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Nguyên đơn (A) không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Trả lại cho nguyên đơn (A) số tiền 18.000.000 đồng (*Mười tám triệu đồng)* đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003138 ngày 11/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 72 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Thương